TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/DS-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Thung.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023, về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1985.
Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.
Đại diện ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm 1987.
Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.
- *Bị đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1972.
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm N, chị Trần Thị Kim P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải; chị P trình bày:*

Chi N cho bà N vay tiền, theo thời gian cụ thể như sau:

Ngày 26/5/2021, chị N cho bà N vay 10.000.000 đồng, thời gia trả tiền ngày 11/6/2021.

Ngày 15/7/2021, chị N cho bà N vay 10.000.000 đồng, thời gian trả tiền 01 tháng.

Ngày 07/8/2021, chị N cho bà N vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả tiền 01 tháng.

Ngày 20/10/2021, chị N cho bà N vay 37.000.000 đồng, thời hạn trả tiền 06 tháng.

Ngày 07/02/2021, chị N cho bà N vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả tiền 01 năm.

Tất cả các lần vay tiền đều có lập biên nhận do bà N viết và ký tên; riêng số tiền 100.000.000 đồng bà N vay ngày 07/02/2022 có lập hợp đồng, công chứng tại Văn phòng Công chứng N. Lãi suất vay 2%/tháng; bà N có đóng tiền lãi đến ngày 07/4/2022 thì ngưng.

Tổng cộng chị N cho bà Nga vay 177.000.000 đồng, bà N có trả cho chị N được số tiền vốn 10.000.000 đồng, còn nợ chị N 167.000.000đồng.

Chị N yêu cầu bà N trả cho chị N 167.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 07/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt, theo tờ tự khai, biên bản lấy lời kha; bà N trình bày:*

Ngày 07/02/2022, bà N có vay của chị N 100.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm, số chứng thực 000798, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 07/02/2022 tại Văn phòng Công chứng N, nhưng số tiền vay 100.000.000 đồng nêu trên là tiền vốn và lãi của các số tiền bà N vay của chị N trước đó vào các ngày 15/7/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 25/6/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 07/8/2021 vay 20.000.000 đồng; ngoài ra bà N có vay thêm của chị N số tiền 37.000.000 đồng. Lãi suất vay là 30%/tháng. Trong thời gian vay tiền bà N có trả tiền lãi cho chị N. Hiện nay bà N còn nợ chị N số tiền 137.000.000 đồng.

Bà N chỉ đồng ý trả cho chị N 137.000.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ; không đồng ý trả tiền lãi.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc bà N trả cho chị N 167.000.000 đồng và tiền lãi, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Chị Trần Thị Kim P (đại diện ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị Cẩm N) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị P (đại diện theo ủy quyền của chị N) yêu cầu bà N trả cho chị N số tiền 167.000.000 đồng và tiền lãi; xét thấy:

- Bà N thừa nhận ngày 07/02/2022, bà N có vay của chị N 100.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tài sản, chứng thực tại tại Văn phòng Công chứng N, nhưng số tiền vay 100.000.000 đồng là tiền vốn và lãi của các số tiền bà N vay của chị N trước đó vào các ngày 15/7/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 25/6/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 07/8/2021 vay 20.000.000 đồng; ngoài ra bà N có vay thêm của chị N 37.000.000 đồng. Chị P (đại diện ủy quyền của chị N) có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm hợp đồng vày tài sản không có biên pháp bảo đảm (bút lục số 21 – 22), giấy mượn tiền ngày 26/5/2021 (bút lục số 24), giấy mượn tiền ngày 15/7/2021 (bút lục 25), giấy mượn tiền ngày 20/10/2021 (bút lục 26), giấy mượn tiền ngày 7/8/2021 (bút lục số 27) có chữ ký, chữ viết họ tên của bà N, thể hiện bà N có vay của chị N tổng số tiền 177.000.000 đồng. Bà N cho rằng số tiền 100.000.000 đồng là tiền lãi và vốn của các số tiền vay ngày 15/7/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 25/6/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 07/8/2021 vay 20.000.000 đồng, nhưng bà N không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà N; chị P (đại diện ủy quyền của chị N) không thừa nhận; nên lời trình bày của bà N chỉ có nợ chị N 137.000.000 đồng là không có cơ sở. Chị P (đại diện ủy quyền của chị N) thừa nhận bà N có trả cho chị N số tiền vốn 10.000.000 đồng, còn nợ 167.000.000 đồng. Do đó chị P yêu cầu bà N trả cho chị N số tiền 167.000.000 đồng là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Về tiền lãi: Do bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên chị N yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, từ ngày 07/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/5/2023 là 13 tháng 05 ngày, là có cơ sở và phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: 167.000.000 đồng x 13 tháng 05 ngày = 21.980.335 đồng. Nên bà N phải trả cho chị N số tiền lãi 21.988.335 đồng.

Do đó bà N phải có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 188.988.335 đồng (trong đó vốn 167.000.000 đồng và lãi 21.988.335 đồng); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét chị P (đại diện ủy quyền của chị N) trình bày lãi suất vay 2%/tháng, chị P thừa nhận bà N có đóng lãi đến ngày 07/4/2022 thì ngưng; bà N cho rằng lãi suất vay 30%/tháng, có đóng tiền lãi cho chị N, nhưng bà N không có chứng cứ gì chứng minh được số tiền lãi mà bà N đã đóng cho chị N; đồng thời các bên không có tranh chấp về số tiền lãi vay đã thỏa thuận; nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm N.

- Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Cẩm N số tiền 188.988.335 đồng *(Một trăm tám mươi tám triệu chín trăm tám mươi tám ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng)*, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Bà N phải chịu 9.449.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị N 4.550.700 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0026757 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu